

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
	Quyết định số 41/2022/UBND ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	Dự thảo Quyết định Quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu	
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Tách thành 02 điều
	1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế.	Quyết định này quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô <u>phục vụ công tác</u> của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trừ xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế.	Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; Bổ sung cụm từ " <i>phục vụ công tác</i> " trước cụm từ "của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí..."
	2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
	a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.	Cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và các tổ chức, đơn vị khác có liên quan được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị).	Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; Bổ sung đối tượng cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và các tổ chức, đơn vị khác có liên quan phù hợp với quy định
	b) Doanh nghiệp nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, khi quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô khuyến khích áp dụng theo quy định tại Quyết định này.		Không quy định
2	Điều 2. Định mức tiêu hao nhiên liệu	Điều 3. Định mức tiêu hao nhiên liệu	
	1. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô được xác định như sau:	1. Định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng cho xe ô tô xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế	
	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km) = Mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế (lít/100km) x Hệ số (K)	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km) = Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế (lít/100km) x K ₁ x K ₂	Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km) = Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế (lít/100km) x K ₁ x K ₂ (bổ sung thêm hệ số K ₂ để phù hợp với quy định thực tế)
	Trong đó:	Trong đó:	
	- Mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế: Là mức tiêu hao nhiên liệu được lấy theo thông số kỹ thuật về mức tiêu hao nhiên liệu theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị đối với từng loại xe của các hãng xe.	a) Mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế: Là mức tiêu hao nhiên liệu được lấy theo thông số kỹ thuật về mức tiêu hao nhiên liệu theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị đối với từng loại xe của các hãng xe (lít/100 km).	
	- Hệ số (K): Là hệ số phụ cấp nhiên liệu tính đối loại đường bình quân cho các tuyến đường từ loại 1 đến loại 5; hoạt động của các thiết bị phụ tải đi kèm như: Gạt mưa, máy điều hòa không khí; các yếu tố ảnh hưởng như: Quay trở đầu xe, đường xấu, dốc, xe hoạt động trong thành phố, hoạt động trên đường ngắn, cầu tạm, được quy định như sau:	b) K ₁ là Hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu từ mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế sang mức tiêu hao nhiên liệu thực tế, khi bị ảnh hưởng bởi các yếu tố hao mòn các chi tiết của xe ô tô trong quá trình sử dụng và các yếu tố khác phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được quy định như sau:	Căn cứ khuyến cáo của các nhà sản xuất đến 100.000 km là thời điểm đã qua các lần bảo dưỡng nhỏ; từ 100.000 km đến 200.000 km là thời điểm các lần bảo dưỡng lớn và tiến hành các sửa chữa nhỏ; trên 200.000 km phải tiến hành sửa chữa lớn. Các yếu tố làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu trong thực tế (Hệ số K ₁) so với mức tiêu thụ theo thiết kế: (i) Yếu tố kỹ thuật của xe; (ii) Yếu tố vận hành và sử dụng; phương pháp xác định tại điểm b, mục 3.1.1, phần IV dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính
	+ Đối với xe ô tô đã sử dụng đến 100.000 km: K = 1,4;	- Đối với xe ô tô đã sử dụng đến 100.000 km: K ₁ = 1,25	
	+ Đối với xe ô tô đã sử dụng trên 100.000 km đến 200.000 km: K = 1,45;	- Đối với xe ô tô đã sử dụng trên 100.000 km đến 200.000 km: K ₁ = 1,3	
	+ Đối với xe ô tô đã sử dụng trên 200.000 km: K = 1,5.	- Đối với xe ô tô đã sử dụng trên 200.000 km: K ₁ = 1,35.	

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
		c) Hệ số $K_2 = 1,4$ là hệ số điều chỉnh mức tiêu hao nhiên liệu do ảnh hưởng của các yếu tố như: loại đường, địa hình di chuyển, phụ tải điều hòa không khí.	Hệ số K_2 là hệ số phụ cấp mức tiêu thụ nhiên liệu trong điều kiện vận hành trên các loại đường, trong điều kiện có sử dụng điều hòa nhiệt độ được xác định tại điểm c, mục 3.1.1, phần IV dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính $K_2 = 1,4$
	2. Định mức tiêu hao nhiên liệu đối với một số trường hợp đặc biệt	2. Định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô không xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế, được xác định như sau:	
	a) Căn cứ tình hình, chất lượng xe ô tô thực tế, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tăng thêm định mức nhưng không vượt quá 5% so với định mức tiêu hao nhiên liệu quy định tại khoản 1 Điều này, trên nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách theo phân cấp và dự toán được giao.	<u>Phương án 1:</u> Căn cứ mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mức tiêu hao nhiên liệu cho phù hợp với tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện, nhu cầu sử dụng, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.	Định mức tiêu hao nhiên liệu cho xe ô tô không xác định được mức tiêu hao nhiên liệu thiết kế, quy định theo 02 phương án để thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan đơn vị quyết định lựa chọn phương án để áp dụng mức tiêu hao nhiên liệu cho phù hợp với tình trạng kỹ thuật của từng phương tiện, nhu cầu sử dụng, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.
	b) Đối với xe ô tô hoạt động trên các tuyến đường giao thông chưa hình thành; đường loại 6; đường có nhiều chướng ngại vật; đường hỏng do mưa lũ, lụt lội, trơn, lầy; xe đi khảo sát tuyến đường có địa hình xấu, đi đảm bảo giao thông thì định mức tiêu hao nhiên liệu tăng thêm nhưng không vượt quá 20% so với định mức tiêu hao nhiên liệu quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ được áp dụng cho quãng đường đi thực tế trên tuyến đường đó.	<u>Phương án 2:</u> Định mức tiêu hao nhiên liệu (lít/100km)≡Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế (lít/100km)x K_2	
		Trong đó: Định mức tiêu hao nhiên liệu: Là lượng nhiên liệu tối đa cấp cho phương tiện trên quãng đường 100 km xe chạy (lít/100 km). Hệ số K_2 : Là hệ số phụ cấp mức tiêu thụ nhiên liệu trong điều kiện vận hành trên các loại đường, trong điều kiện có sử dụng điều hòa nhiệt độ (được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này).	
		Mức tiêu hao nhiên liệu thực tế được xác định theo kết quả khảo sát thực tế, tính bình quân trên 100 km chạy xe theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị trên các loại đường tốt, được xác định như sau:	
		Định mức tiêu hao nhiên liệu thực tế (lít/100km) = $A/(C-B) \times 100$	
		Trong đó:	
		A: Là số lượng nhiên liệu đổ lần thứ 2 tính theo lít.	
		B: Là số km ghi nhận khi bắt đầu đổ nhiên liệu lần đầu.	
		C: Là số km ghi nhận khi đổ nhiên liệu lần thứ 2.	
		(Các lần đổ nhiên liệu, xe ô tô phải đỗ ở vị trí bằng phẳng và cùng vị trí đánh dấu mức nhiên liệu trong thùng đựng nhiên liệu; “C-B” là quãng đường xe chạy theo chu trình kết hợp trong đô thị và ngoài đô thị được tính từ lần đổ nhiên liệu đầu tiên đến lần đổ nhiên liệu thứ 2, được hiểu theo cách khác là chênh lệch số km giữa 2 lần đổ nhiên liệu).	
	3. Định mức tiêu hao nhiên liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là định mức tối đa Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tình hình, chất lượng xe ô tô để quy định cụ thể định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô cho phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và không vượt định mức tối đa.	3. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại khoản 1 Điều này là định mức tối đa, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tình hình, chất lượng xe ô tô để quy định cụ thể định mức tiêu hao nhiên liệu	Cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022
	4. Đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế: Căn cứ tính chất, nhiệm vụ của từng đơn vị và định mức quy định tại Quyết định này, Sở Y tế có trách nhiệm xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu cụ thể cho từng loại xe cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.		Không quy định đã loại trừ tại Điều 1

TT	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	THUYẾT MINH
3	Điều 3. Tổ chức thực hiện	Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	
	1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu tại Quyết định này, thông báo của Sở Giao thông vận tải về định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế để xác định, quy định cụ thể định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe ô tô trong quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô và Quy chế chi tiêu nội bộ, làm cơ sở xây dựng dự toán, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	1. Định mức tiêu hao nhiên liệu tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này là định mức tối đa, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ tình hình, chất lượng xe ô tô có trách nhiệm xác định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng loại xe, quy định cụ thể trong quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô và quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở để xây dựng dự toán, cấp phát, thanh quyết toán chi phí sử dụng nhiên liệu xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ
	2. Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này; phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định (nếu có).	2. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định mức tiêu hao nhiên liệu theo thiết kế khi được đề nghị.	
		3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các vướng mắc đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định (nếu có).	
4	Điều 4. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành	Điều 5. Hiệu lực thi hành	
	1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022.	1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.	Phù hợp với thời gian ban hành.
		2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 41/2022/UBND ngày 04/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.	
	2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đơn vị sự nghiệp công lập; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IX; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Phù hợp với tên cơ quan đơn, đơn vị mới sau sắp xếp.